

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **06/2025/QĐST-HC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 27 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Phạm Hiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính;

Xét thấy: Tại phiên toà ngày 27/3/2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã giao Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về việc giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Ngọc H, bà Bùi Thị B (đại diện cho các thành viên cùng chung quyền sử dụng đất) thuộc dự án: Xây dựng đường kết nối từ đường ĐT.741 (Tuyến kết nối số 2) cho đại diện hộ ông Nguyễn Ngọc H là bà Bùi Thị B.

Người khởi kiện bà Bùi Thị B và đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc H là ông Trần Văn T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 cũng là ông Trần Văn T rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Việc rút yêu cầu khởi kiện của bà B, ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 18/2024/TLST-HC ngày 09/4/2024, thụ lý yêu cầu độc lập số 01/2024/TLST-HC ngày 23/12/2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, giữa:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

2. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà B: LS. Ngô Quốc C – Văn phòng L; địa chỉ: A P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bình Phước; (có đơn xin vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bình Phước; (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ: bà Phạm Thị H1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Đ. (có mặt)

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: đường F, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Đức T3 – Phó Chi cục trưởng C1 – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh B; địa chỉ: Quốc lộ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988; (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp A, T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền của anh T1, anh T2: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Phú D, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ. (có mặt)

4. Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Đ; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo uỷ quyền: bà Phạm Thị H1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Đ. (có mặt)

5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ; địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Dương Mạnh K, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. (có mặt)

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc H và bà Bùi Thị B và đơn yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Ngọc T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 (nếu có yêu cầu).

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Tại phiên toà, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện Đ thống nhất mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ số tiền này là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Người khởi kiện đã thanh toán đầy đủ chi phí tố tụng trên nên đại diện người bị kiện UBND huyện Đ đã hoàn lại cho người khởi kiện số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Do chi phí tố tụng các bên đã tự thỏa thuận và thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Bùi Thị B số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000020 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước và hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc T1 và anh Nguyễn Ngọc T2 số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000087 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

III. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Lưu: hồ sơ vụ án, THC, TTPT, NTHC (21).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Hùng